TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2024/DS-ST
Ngày: 02 - 7 - 2024
Về tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Minh Lý.

2. Ông Tạ Kỳ Trung.

- Thư ký phiên tòa: bà Bùi Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Thướng – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1990; địa chỉ: khu phố A, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh Tây Ninh - theo văn bản ủy quyền ngày 23/01/2024 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Dương Minh N1, sinh năm 1974; địa chỉ: khu phố C, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh – vắng mặt.

2. Ông Dương Minh M, sinh năm 1968; địa chỉ: khu phố C, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Huỳnh N trình bày:

Ngày 17/4/2023 (dương lịch), ông Dương Minh N1 và ông Dương M1 ông M vay của bà Trần Thị Kim T số tiền 300.000.000 đồng, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng. Khi vay tiền, ông N1 trực tiếp viết giấy mượn tiền, ông N1 và ông M cùng ký tên người mượn tiền. Thời hạn vay 15 ngày kể từ ngày 17/4/2023. Gấy mượn tiền không thể hiện lãi suất nhưng hai bên có thỏa thuận bằng lời nói lãi suất là 5%/tháng và trả lãi cùng với trả nợ gốc. Khi vay tiền ông N1, ông M không thế chấp tài sản gì cho bà T. Hết thời hạn vay, ông N1, ông M không trả tiền cho bà T như đã thỏa thuận, tiền lãi cũng không trả cho bà T số tiền nào. Nay bà T yêu cầu ông Dương Minh N1 và ông Dương Minh M cùng có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi kể từ ngày 17/4/2023 dương lịch theo mức lãi suất 10%/năm cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Bà T không yêu vợ ông N1 và vợ ông M liên đới trả nợ cũng không yêu cầu đưa những người này tham gia tố tụng vì bà T không biết vợ ông N1 và vợ ông M là ai và những người này cũng không vay tiền của bà T.

**** Tại biên bản lấy lời khai và biên bản đối chất ngày 10/5/2024, bị đơn ông Dương Minh N1 trình bày:***

Ông N1 và ông M là anh em ruột và sống chung nhà với nhau. Ngày 17/4/2023 (dương lịch), ông và ông M cùng vay của bà T số tiền 300.000.000 đồng, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng. Khi vay tiền ông có viết giấy mượn tiền, ông và ông M cùng ký tên người mượn. Thời hạn vay 15 ngày kể từ ngày 17/4/2023. Gấy mượn tiền không thể hiện lãi suất nhưng hai bên có thỏa thuận bằng lời nói lãi suất là 6%/tháng và trả cùng với ngày trả nợ gốc. Khi vay tiền ông và ông M không thế chấp tài sản gì cho bà T. Từ ngày vay đến nay tiền gốc ông chưa trả cho bà T số tiền nào nhưng tiền lãi ông và ông M đã trả cho bà T được khoảng 80.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản cho bà T hoặc nhờ người quen gửi tiền lãi cho bà T nhưng ông không nhớ ông sử dụng số tài khoản nào để chuyển khoản cũng không nhớ số tài khoản ông chuyển tiền đến là số tài khoản nào vì mỗi lần ông chuyển khoản trả tiền lãi thì bà T báo số tài khoản của người nhận để ông chuyển khoản. Ông xin bà T thời hạn từ ngày 10/5/2024 đến cuối tháng sẽ trả toàn bộ số tiền 300.000.000 đồng cho bà T. Trường hợp đến cuối tháng 5/2024 ông chưa trả tiền cho bà T và vụ án vẫn phải tiếp tục giải quyết thì ông đồng ý cùng ông M trả cho bà T số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi cũng không yêu cầu Tòa án tính lại tiền lãi ông đã trả cho bà T.

* Bị đơn – ông Dương Minh M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền

theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của bà Trần Thị Kim T. Buộc ông Dương Minh N1 và ông Dương Minh M có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Kim T số tiền nợ gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi 10%/năm, kể từ ngày 17/4/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm.

2. Về án phí: ông Dương Minh N1 và ông Dương Minh M chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến và yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn – ông Dương Minh N1 và ông Dương Minh M đã được Toà án triệu tập lần thứ hai tham gia phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông N1, ông M là phù hợp theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: bà T khởi kiện yêu cầu ông N1, ông M trả số tiền vay và trả tiền lãi nên đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Ông N1, ông M có nơi cư trú tại khu phố C, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh nên căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

[3] Xét yêu cầu trả số tiền 300.000.000 đồng của nguyên đơn thấy rằng:

Bà T và ông N1 đều thống nhất trình bày ngày 17/4/2023 (dương lịch), ông N1, ông M vay của bà T số tiền 300.000.000 đồng. Thời hạn vay 15 ngày kể từ ngày 17/4/2023. Giấy mượn tiền do ông N1 viết, ông N1 và ông M cùng ký tên người mượn tiền. Mặc dù ông M vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhưng ông M đã được tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên có cơ sở xác định ngày 17/4/2023, ông N1 và ông M vay bà T số tiền 300.000.000 đồng là có thật. Ông N1 trình bày từ ngày vay đến nay tiền gốc ông N1 và ông M chưa trả cho bà T số tiền nào. Việc ông N1 và ông M không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Do đó, nay bà T khởi kiện

yêu cầu ông N1 và ông M trả số tiền vay gốc còn nợ là 300.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn thấy rằng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày lãi suất hai bên thỏa thuận bằng lời nói 5%/tháng và từ ngày vay đến nay tiền lãi ông N1, ông M chưa trả cho bà T số tiền nào. Ông N1 trình bày lãi suất hai bên thỏa thuận bằng lời nói 6%/tháng và tiền lãi ông đã trả cho bà T khoảng 80.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng nhưng ông không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả tiền lãi như trên và cũng không yêu cầu Tòa án tính lại tiền lãi mà ông đã trả cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận lãi suất nhưng không xác định rõ lãi suất nên lãi suất được xác định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10%/năm. Nay nguyên đơn yêu cầu tính lãi kể từ ngày 17/4/2023 dương lịch theo mức lãi suất 10%/năm cho đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Tiền lãi được tính từ ngày 17/4/2023 đến ngày 02/7/2024 là 01 năm 02 tháng 15 ngày và được tính như sau:

300.000.000 đồng x 10%/năm x 01 năm 02 tháng 15 ngày = 36.250.000 đồng.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông N1 và ông M có nghĩa vụ liên đới trả cho bà T số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng và tiền lãi 36.250.000 đồng, tổng cộng là 336.250.000 đồng.

[6] Ghi nhận việc nguyên đơn không yêu cầu vợ ông N1 và vợ ông M cùng trả nợ và không yêu cầu đưa những người này tham gia tố tụng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận nên ông N1, ông M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho bà T theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Án phí được tính như sau:

336.250.000 đồng x 5% = 16.812.500 đồng.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim T đối với ông Dương Minh N1 và ông Dương Minh M về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Dương Minh N1, ông Dương Minh M có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Kim T số tiền 336.250.000 (Ba trăm ba mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Dương Minh N1, ông Dương Minh M phải chịu 16.812.500 (Mười sáu triệu tám trăm mười hai nghìn năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Trần Thị Kim T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.558.000 (Tám triệu năm trăm năm mươi tám nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014812 ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: bà T, ông N1, ông M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNGXÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Phạm Thị Yến

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.